

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 52340301

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Mục tiêu giáo dục:	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo	3
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	7
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	7
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	9
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	9
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy.....	9
2.3. Danh sách học phần.....	9
2.4. Kế hoạch giảng dạy	12
2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần	14
2.6. Cơ sở vật chất phục vụ học tập.....	23
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	39
3.1. Chương trình Kế toán trình độ đại học	39
3.2. Giờ quy đổi	39
3.3. Mã các học phần	39
3.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:	40
3.5. Giải thích mục “Điều kiện”:	40

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kế toán nhằm đào tạo Cử nhân Kế toán, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức nền tảng và chuyên sâu, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin để có thể giữ các vị trí chuyên môn tại các tổ chức, đơn vị sau khi ra trường.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Kế toán

Tên chương trình đào tạo	Kế toán (Accounting)
Mã ngành đào tạo	52340301
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kế toán
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Kế toán
Số tín chỉ yêu cầu	130 tín chỉ tích lũy + 05 tín chỉ giáo dục thể chất + 08 tín chỉ giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	www.Facebook.com/Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động – Xã hội/
Ban hành	Quyết định số...../QĐ-ĐHLĐXH, ngày.... tháng.... Năm 2017

1.3. Mục tiêu giáo dục:

Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

Mục tiêu cụ thể

Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kế toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị quản lý công, tổ chức tài chính; có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp, có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

1.4.2.1 Về kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các kiến thức cơ bản về pháp luật, toán, tin học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Trang bị các kiến thức cơ bản về luật kinh tế, luật lao động, các nguyên lý kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính- tiền tệ, tài chính doanh nghiệp, nguyên lý kế toán, lý thuyết tổ chức, v.v... làm cơ sở để tiếp thu kiến thức chuyên ngành.

Kiến thức chuyên ngành: Trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, tiền lương - tiền công và kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, cách thức phân tích báo cáo tài chính và sử dụng thông tin kế toán để ra quyết định; các nguyên lý tổ chức hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp trong điều kiện tin học hóa; các kiến thức chuyên sâu theo ngành kinh doanh và loại hình doanh nghiệp cũng được trang bị để giúp cho sinh viên thực hiện tốt các công việc của nhân viên kế toán và tư vấn thuế cho các doanh nghiệp.

1.4.2.2. Về kỹ năng

Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo; có khả năng tìm hiểu, vận dụng và tuân thủ luật pháp, chuẩn mực của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán và thống kê.

Thành thạo thu thập, phân loại và tổ chức hạch toán mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp phù hợp với các quy định của luật pháp và thông lệ, chuẩn mực kế toán.

Biết cách tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức, triển khai hệ thống thông tin kế toán, tổ chức quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

Biết tự nghiên cứu và sử dụng các phần mềm kế toán; phối hợp với các tổ chức kiểm toán để phục vụ cho các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp; thành thạo các công việc lập kế hoạch tài chính; có khả năng tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật thuế trong các hoạt

động kinh doanh.

1.4.2.3 Về thái độ

Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán nhằm đào tạo ra những sinh viên chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

1.4.2.4. Về ngoại ngữ và tin học

Ngoại ngữ: có thể sử dụng tiếng Anh ở mức tương đương chuẩn TOEIC 400.

Tin học: sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành, sử dụng tốt internet, MS word, MS Excel, MS PowerPoint.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.5.1. Về kiến thức:

Kiến thức chung về kinh tế- xã hội:

- Hiểu biết về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Có kiến thức về luật pháp nói chung và luật kinh tế, luật thuế, luật kế toán và luật lao động nói riêng.

- Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng thay đổi trong hoạt động của các doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về các công cụ, chỉ tiêu phân tích kinh tế chủ yếu.

Kiến thức về hoạt động doanh nghiệp và quản trị kinh doanh:

- Nắm vững luật pháp trong kinh doanh đặc biệt là các luật thuế, luật lao động

- Hiểu biết cơ bản về một số ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ.

- Có kiến thức cơ bản về tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về marketing, văn hoá kinh doanh, tổ chức - nhân sự, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, hoạt động đầu tư... của doanh nghiệp.

- Nắm được kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp.

Kiến thức kế toán:

- Hiểu rõ luật pháp, chuẩn mực kế toán của Việt Nam và quốc tế.

- Nắm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.

- Biết cách thiết kế và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định, điều hành quản lý doanh nghiệp hiệu quả.

- Biết cách thiết kế và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định, điều hành quản lý doanh nghiệp hiệu quả. Nắm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: Tổ chức hệ thống thông tin kế toán; tổ chức quy trình kế

toán; tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Biết cách ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.
- Nắm vững kiến thức về kiểm toán doanh nghiệp: luật pháp; đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp; tổ chức thu thập thông tin; quy trình; báo cáo; hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.

1.5.2. Về kỹ năng:

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng thuộc lĩnh vực kế toán:

- Có khả năng tìm hiểu, vận dụng và tuân thủ luật pháp, chuẩn mực của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán và thống kê.
- Thành thạo thu thập, phân loại và tổ chức hạch toán mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp phù hợp với các quy định của luật pháp và thông lệ, chuẩn mực kế toán.
- Có khả năng tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức, triển khai hệ thống thông tin kế toán, tổ chức quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.
- Có khả năng sử dụng các phần mềm kế toán.
- Có khả năng phối hợp với các tổ chức kiểm toán.

Kỹ năng khác:

- Thành thạo các công việc lập kế hoạch tài chính;
- Có khả năng tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; Vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật thuế trong các hoạt động kinh doanh,
- Có khả năng tham gia thực hiện được những công việc cơ bản liên quan đến xây dựng, thực hiện và kiểm tra các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng tham gia một số công việc thuộc về quản trị doanh nghiệp.

Kỹ năng mềm

- Thành thạo viết và trình bày báo cáo kế toán và báo cáo hành chính thông thường.
- Sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng tin học văn phòng.
- Sử dụng được Tiếng Anh tương đương TOEIC 400 điểm, đọc và hiểu được tài liệu kế toán bằng tiếng Anh.
- Có khả năng tìm kiếm, phát hiện, đánh giá, tổ chức và quản lý thông tin, tài liệu.
- Có khả năng khởi tạo và tiến hành khảo sát nghiên cứu
- Có khả năng phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và hướng giải quyết các vấn đề.
- Có khả năng phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và hướng giải quyết các vấn đề
- Có khả năng giải quyết vấn đề và tiến hành các trao đổi, thảo luận.
- Có khả năng giải thích đánh giá sâu thông tin, dữ liệu và báo cáo.
- Có khả năng thiết lập được các tiêu chí đánh giá.

- Có khả năng tiếp nhận, đánh giá và phản hồi các ý tưởng, quan điểm.
- Đánh giá công bằng, khách quan đối với giá trị đóng góp của người khác.
- Thành thạo viết báo cáo và thuyết trình.
- Có khả năng giao tiếp tốt.
- Có khả năng thích nghi với sự thay đổi.
- Có kỹ năng lập kế hoạch.
- Biết cách suy nghĩ và hành động độc lập, sáng tạo, tập trung cho kết quả.
- Biết lắng nghe hiệu quả.
- Biết trình bày, trao đổi và bảo vệ quan điểm. Biết cách truyền đạt và tiếp thu kiến thức.
- Có khả năng đàm phán trao đổi với mọi người.
- Biết hợp tác với đồng nghiệp.

1.5.3. Về thái độ:

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước
- Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm
- Biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia
- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc
- Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp đại học kế toán có thể làm chuyên viên kế toán trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp và trong các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

Chuyên viên tư vấn kế toán, thuế trong các công ty tư vấn thuế và tư vấn tài chính, đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.

1.6.2. Cơ hội học tập

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Kế toán có thể:

- Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA...để hành nghề kế toán, kiểm toán, làm về lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- Có cơ hội học chuyên tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, khối

lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không bao gồm 05 TC Giáo dục thể chất, 08 TC Giáo dục quốc phòng và an ninh. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động - Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác). Mỗi năm có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

1.7.4.1. Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

1.4.7.2. Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A: 3,7

B+: 3,5 B: 3,0

C+: 2,5 C: 2,0

D+: 1,5 D: 1,0

F+: 0,5 F: 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không bao gồm 05 TC Giáo dục thể chất, 08 TC Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

* **Kiến thức giáo dục đại cương (không kể GDTC và GDQP):** 32 tín chỉ

- Kiến thức bắt buộc: 28 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 4 tín chỉ

* **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** : 98 tín chỉ

Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc): 12 tín chỉ

Kiến thức cơ sở ngành: 19 tín chỉ

- Kiến thức bắt buộc: 15 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 4 tín chỉ

Kiến thức ngành: 57 tín chỉ

- Kiến thức bắt buộc: 49 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 8 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc): 4 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 6 tín chỉ

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.1: Danh sách học phần

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Các học phần bắt buộc	28	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Toán cao cấp 1	2	
10	Toán cao cấp 2	2	
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
12	Pháp luật đại cương	2	
13	Giáo dục thể chất 2	5	
14	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	
	Các học phần tự chọn	4	
15	Soạn thảo văn bản	2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
17	Logic học	2	
18	Tâm lý học đại cương	2	
	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12	
19	Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thống kê	2	
22	Luật kinh tế	2	
23	Marketing căn bản	2	
	Kiến thức cơ sở ngành	19	
	Các học phần bắt buộc	15	
24	Tài chính - Tiền tệ	2	
25	Nguyên lý kế toán 1	2	
26	Nguyên lý kế toán 2	2	
27	Luật lao động	2	
28	Quản trị doanh nghiệp	2	
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
30	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	2	
	Các học phần tự chọn	4	
31	Kinh tế lượng	2	
32	Văn hóa doanh nghiệp	2	
33	Kỹ năng giao tiếp	2	
34	Luật thuế và kế toán	2	
	Kiến thức ngành	57	
	Các học phần bắt buộc	49	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
35	Kế toán tài chính 1	3	
36	Kế toán tài chính 2	3	
37	Tổ chức kế toán	3	
38	Kế toán quản trị	3	
39	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3	
40	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3	
41	Kiểm toán căn bản	3	
42	Phân tích báo cáo tài chính	3	
43	Kế toán thuế	3	
44	Kế toán quốc tế	3	
45	Kế toán máy	3	
46	Hệ thống thông tin kế toán	3	
47	Lý thuyết tổ chức	3	
48	Thông kê doanh nghiệp	3	
49	Nguyên lý tiền lương	2	
50	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	
51	Kiểm soát nội bộ	2	
	Học phần lựa chọn	8	
	<i>Nhóm 1 (lựa chọn 1 trong 2 học phần sau)</i>	2	
52	Nghị quyết bảo hiểm xã hội	2	
53	Nhập môn quản trị nhân lực	2	
	<i>Nhóm 2 (chọn 3 trong các học phần sau)</i>	6	
54	Kế toán công ty cổ phần	2	
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2	
57	Kế toán ngân sách	2	
58	Thị trường chứng khoán	2	
59	Kế toán tập đoàn	2	
60	Tín dụng và thanh toán	2	
61	Thực tập cuối khóa	4	
62	Khóa luận tốt nghiệp	6	
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	
64	Kiểm toán tài chính	3	

2.4. Kế hoạch giảng dạy

Bảng 2.2: Kế hoạch giảng dạy

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
	Học kỳ									
	Môn học bắt buộc									
1	Giáo dục thể chất	5	2	2	1					
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2	2							
3	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
4	Tin học cơ bản 1	2	2							
5	Toán cao cấp 1	2	2							
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
7	Pháp luật đại cương	2	2							
8	Kinh tế vi mô	3		3						
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3		3						
10	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
11	Tin học cơ bản 2	2		2						
12	Toán cao cấp 2	2	2							
13	Nguyên lý kế toán 1	2		2						
14	Kinh tế vĩ mô	3			3					
15	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3					
16	Giáo dục quốc phòng & An ninh	8			8					
17	Nguyên lý thống kê	2			2					
18	Luật kinh tế	2			2					
19	Marketing căn bản	2			2					
20	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
21	Quản trị doanh nghiệp	2			2					
22	Nguyên lý kế toán 2	2			2					
23	Luật lao động	2				2				

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3				3				
26	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	2				2				
27	Kế toán tài chính 1	3				3				
28	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3				3				
29	Kế toán tài chính 2	3					3			
30	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3					3			
31	Kế toán quốc tế	3						3		
32	Lý thuyết tổ chức	3					3			
33	Nguyên lý tiền lương	2					2			
34	Thống kê doanh nghiệp	3					3			
35	Tổ chức kế toán	3						3		
36	Kế toán quản trị	3					3			
37	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3						3		
38	Kiểm toán căn bản	3						3		
39	Hệ thống thông tin kế toán	3						3		
40	Kế toán thuế	3						3		
41	Kế toán máy	3							3	
42	Phân tích báo cáo tài chính	3							3	
43	Kiểm soát nội bộ	2							2	
	Môn học tự chọn									
44	Soạn thảo văn bản	2		4						
45	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
46	Logic học	2								
47	Tâm lý học đại cương	2								
48	Kinh tế lượng	2				4				
49	Văn hóa doanh nghiệp	2								
50	Kỹ năng giao tiếp	2								
51	Luật thuế và kế toán	2								
52	Nghị vụ bảo hiểm xã hội	2							2	
53	Nhập môn quản trị nhân lực	2								
54	Kế toán công ty cổ phần	2							6	

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2								
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2								
57	Kế toán ngân sách	2								
58	Thị trường chứng khoán	2								
59	Kế toán tập đoàn	2								
60	Tín dụng và thanh toán	2								
61	Thực tập cuối khóa	4								4
62	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>										
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	3								3
64	Kiểm toán tài chính	3								3
	Tổng cộng	143	14	22	27	19	17	18	16	10
	Số TC lý thuyết		14	22	27	19	17	18	16	0
	Số TC đồ án/thực tập									10
	Số tuần thi		3	3	3	3	3	3	3	4
	Số tuần/Học kỳ		18	18	18	18	18	18	18	18

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

2.5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.5.5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.5.6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.5.7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

2.5.8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

2.5.9. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

2.5.10. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

2.5.11. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán.

Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

2.5.12. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.5.13. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 05

Nội dung ban hành tại Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.5.14. Giáo dục quốc phòng

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.5.15. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

2.5.16. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

2.5.17. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

2.5.18. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

2.5.19. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường; Thất bại thị trường và vai trò của Chính phủ.

2.5.20. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá,...

2.5.21. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

2.5.22. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.5.23. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

2.5.24. Tài chính tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại

2.5.25. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như

Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

2.5.26. Nguyên lý kế toán 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và việc vận dụng các nguyên tắc này; Các kiến thức về tính giá và đo lường công nợ, các nguyên tắc trong hạch toán hàng tồn kho, nợ ngắn hạn và tài sản dài hạn.

2.5.27. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

2.5.28. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

2.5.29. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

2.5.30. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí.

2.5.31. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

2.5.32. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

2.5.33. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

2.5.34. Luật thuế và kế toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 6 chương, tập trung vào 4 nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về pháp luật thuế; Pháp luật về một số nhóm thuế cơ bản; Những vấn đề cơ bản của pháp luật về kế toán; Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế và kế toán.

2.5.35. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

2.5.36. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.5.37. Tổ chức kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp.

2.5.38. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định; Hình thái chi phí

2.5.39. Kế toán hành chính sự nghiệp 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán tài sản bằng tiền

2.5.40. Kế toán hành chính sự nghiệp 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán trong đơn vị HCSN đặc thù (đơn vị HCSN ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và ngành Bảo hiểm xã hội): Kế toán các khoản chi và nguồn kinh phí trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Báo cáo kế toán; Kế toán ngành lao động thương binh xã hội; Kế toán bảo hiểm xã hội

2.5.41. Kiểm toán căn bản

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

2.5.42. Phân tích báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời.

2.5.43. Kế toán thuế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thuế và kế toán thuế; Các loại thuế hiện hành ở Việt Nam, bao gồm thuế Xuất nhập khẩu, Tiêu thụ đặc biệt, Giá trị gia tăng, Thu nhập doanh nghiệp và Thu nhập cá nhân.

2.5.44. Kế toán quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo chế độ kế toán Mỹ, từ chứng từ, tài khoản, phương

pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thuộc loại hình doanh nghiệp một chủ.

2.5.45. Kế toán máy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và số dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh.

2.5.46. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Xử lý giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

2.5.47. Lý thuyết tổ chức

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về giới thiệu về tổ chức và lý thuyết tổ chức; Mục tiêu, chiến lược và thiết kế cấu trúc tổ chức; Các yếu tố hệ thống bên ngoài tổ chức; Các yếu tố bên trong tổ chức ảnh hưởng tới thiết kế tổ chức; Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức; Nghiên cứu sự đổi mới và các thay đổi trong tổ chức.

2.5.48. Thống kê doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và thu nhập lao động; Thống kê Tài sản trong doanh nghiệp; Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Thống kê hoạt động tài chính trong doanh nghiệp; Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.5.49. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

2.5.50. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Trang bị các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Kế toán và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

2.5.51. Kiểm soát nội bộ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

2.5.52. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 4 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Khái quát về bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

2.5.53. Nhập môn quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực: Bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.

2.5.54. Kế toán công ty cổ phần

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kế toán công ty cổ phần: Kế toán thành lập công ty cổ phần; Kế toán biến động vốn trong công ty cổ phần; Kế toán chia cổ tức trong công ty cổ phần; Kế toán giải thể và tổ chức lại công ty cổ phần.

2.5.55. Kế toán doanh nghiệp xây lắp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp và hệ thống báo cáo kế toán.

2.5.56. Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những khái niệm cơ bản, đặc điểm các loại hình doanh nghiệp, các phương pháp đánh giá hàng hóa nhập xuất kho, các phương thức tiêu thụ bán buôn, bán lẻ, cách thức hạch toán xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác; Cách tập hợp chi phí, doanh thu, kết quả trong các doanh nghiệp này.

2.5.57. Kế toán ngân sách

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung về kế toán ngân sách; Kế toán dự toán; Kế toán thu ngân sách; Kế toán chi ngân sách; Kế toán các nghiệp vụ khác; Báo cáo tài chính.

2.5.58. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

2.5.59. Kế toán tập đoàn

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán hợp nhất kinh doanh; Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.5.60. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tín dụng ngân hàng; Tín dụng quốc tế; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế.

2.5.61. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên kinh nghiệm nghiên cứu thực tế về tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức công tác kế toán, chính sách, quy trình và thủ tục kế toán các hoạt động (kinh doanh) của một đơn vị cụ thể.

2.5.62. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Kế toán. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

2.5.63. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá...

2.5.64. Kiểm toán tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí.

2.6. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

2.6.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện

tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Bảng 2.3: Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	Phòng máy tính E202.T2			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	Phòng máy tính E302.T3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	Phòng máy tính E403			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	Ổn áp lioa	2013	1	
4	Phòng máy tính E404			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	Ổn áp lioa	2013	1	
5	Phòng máy tính E404.T4			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
5.1	Máy tính CMS	2013	41	
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	Phòng máy tính E501			Tin học cơ bản; Tin học

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
6.1	Máy tính CMS	2013	41	chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
7	Phòng máy tính E502			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
7.1	Máy tính ĐNA	2006	16	
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
8.1	Máy tính ĐNA	2009	13	
8.2	Máy tính ĐNA	2010	10	
8.3	Máy tính ĐNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
9	Phòng máy tính E503B			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS,...
9.1	Máy tính ĐNA	2009	40	
9.2	Máy tính ĐNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
II.	Phòng LAP			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC,...
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
III.	Thiết bị phòng học			Các học phần còn lại
1	Amplify + loa + mic	2014	7	
2	Amplify + loa + mic	2013	33	
3	Amplify + loa + mic	2010	5	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
4	Amplý + loa + mic	2009	10	
5	Amplý + loa + mic	2008	1	
6	Amplý + loa + mic	2007	1	
7	Amplý + loa + mic	2005	3	
8	Amplý + loa + mic	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	

2.6.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Bảng 2.4: Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Q1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2012
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2012
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh [Q1])	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
6	Tiếng Anh cơ bản 2	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2012
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
9	Toán cao cấp 1	Bài giảng Toán Cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
10	Toán cao cấp 2	Bài giảng Toán Cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2009
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bài giảng Lý thuyết xác suất thống kê toán	Nguyễn Thu Hương	Lao động Xã hội	2009
		Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Trần Thị Thu Hương	Lao động Xã hội	2010
12	Pháp luật đại cương	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thu Thủy và ThS. Đào Xuân Hội	Lao động Xã hội	2011
		Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2009
13	Giáo dục thể chất				
14	Giáo dục quốc phòng				
15	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
17	Logic học	Giáo trình Logic học đại cương, Q1	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	ĐHQG HN	2005
		Tâm lý học tập 1	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1989
		Cơ sở Tâm lý học ứng dụng	Đặng Phương Kiệt	ĐHQG HN	2001

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
		Bài Tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	
19	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương và TS. Trần Văn Hòe	Lao động xã hội	2012
		Bài tập Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2010
20	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công (chủ biên)	NXB Lao động	2012
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương (chủ biên)	Lao động Xã hội	2012
21	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động Xã hội	
22	Luật Kinh tế	Đề cương chi tiết môn Luật kinh tế	Khoa Luật, Đại học Lao động – Xã hội		
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2010
23	Marketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Marketing Căn bản	Phillip Kotler	Lao động Xã hội	2007
		Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	NXB Thống kê	2000
24	Tài chính - Tiền tệ	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ Trường Đại học Lao động xã hội,.	Nguyễn Văn Định	Nhà xuất bản Tài chính	2007
		Tiền và hoạt động ngân hàng,	Lê Vinh Danh	Nhà xuất bản Giao thông vận tải.	2009
		Giáo trình Tiền tệ ngân	Nguyễn Minh	Nhà xuất	2006

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		hàng,	Kiều	bản Thống kê.	
25	Nguyên lý kế toán 1	Giáo trình Nguyên lý kế toán, Nhà xuất bản tài chính, 2010.	PG PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Đoàn Xuân Tiên	Nhà xuất bản Tài chính	2009
26	Nguyên lý kế toán 2	Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập do giáo viên cung cấp		Khoa Kế toán	2017
		Tài liệu dịch Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Lao động – Xã hội	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2016
27	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Lao động xã hội	2015
		Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội và Chính phủ		2012
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Lao động xã hội	2015
28	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị kinh doanh	GS.TS. Nguyễn Thành Độ - PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Bài tập thực hành Quản trị Kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Trường Đại học Lao động-Xã hội	Nhà xuất bản tài chính	2007
		Câu hỏi và bài tập Quản trị Tài chính doanh nghiệp	Trường Đại học Lao động-Xã hội	Nhà xuất bản tài chính	2011
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Lưu Thị Hương	Nhà xuất bản Thống kê	2003
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bạch Đức Hiền	Nhà xuất bản tài chính	2011
30	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Giáo trình Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2008
		Đề cương học phần Quản trị tài chính đơn vị hành chính –sự nghiệp	Bộ môn Tài chính quốc tế	Khoa kế toán	2008
31	Kinh tế lượng	Giáo trình Kinh tế lượng	GS-TS. Nguyễn Quang Dong và TS. Nguyễn Thị Minh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Tài liệu do giảng viên biên soạn			
		Basic Econometrics-Fourth Edition	Damodar N. Gujarati	McGraw-Hill Inc	2004
32	Văn hóa doanh nghiệp	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2013

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	Học viện Tài chính	2011
33	Kỹ năng giao tiếp	Giáo trình tâm lý học xã hội (tập 2)	Tiêu Thị Minh Hương; Lý Thị Hàm, Bùi Thị Xuân Mai	Lao động xã hội	2007
		Tâm lý học ứng xử	Lê Thị Bùng	Giáo dục	1998
		Cách xử thế của người nay	Nguyễn Hiến Lê	Văn hóa thông tin	2002
		999 cách gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp	Tôn Khánh Hòa	Lao Động	2001
34	Luật thuế và kế toán	Tập bài giảng Luật thuế, Luật kế toán	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động xã hội	2008
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật thuế và Luật kế toán	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động xã hội	2012
		Bộ văn bản Luật thuế, Luật kế toán	Khoa Luật, Trường Đại học Lao động - Xã hội		
35	Kế toán tài chính 1	Giáo trình Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2014
36	Kế toán tài chính 2	Giáo trình Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2014
37	Tổ chức kế toán	Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng	Tài chính	2011
		Giáo trình tổ chức công tác kế toán	Đoàn Xuân Tiên	Thống kê	2006
		Hướng dẫn tổ chức kế	Phạm Văn Dược	Thống kê	1998

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		toán quản trị trong các doanh nghiệp			
		Các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
38	Kế toán quản trị	Giáo trình Kế toán quản trị	Trường Đại học Lao Động – Xã Hội	Tài chính	2010
		Managerial Accounting 12e	R. Garrison and E. Noreen	Nhà xuất bản McGraw hill	2008
39	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiem Văn Lợi	Tài chính	2010
		Bài tập kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiem Văn Lợi	Tài chính	2011
		Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp	Vụ chế độ kế toán – Bộ tài chính	Tài chính	2006
40	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiem Văn Lợi	Tài chính	2010
		Bài tập kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiem Văn Lợi	Tài chính	2011
		Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp	Vụ chế độ kế toán – Bộ tài chính	Tài chính	2006
41	Kiểm toán căn bản	Giáo trình Kiểm toán	Ths. Phan Trung Kiên	Tài chính	2008
		Kiểm toán	Khoa kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Thống kê	2014
42	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Reporting Analysis – Ohio	Gibson, C	South- Western College Publising	2001

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham và Joel F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	TS. Lê Thị Xuân		
		Phân tích tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ, PGS.TS. Nghiêm Thị Thà	Tài chính	2009
		Phân tích các báo cáo tài chính	ThS. Nguyễn Công Bình	Giao thông vận tải	2009
		Báo cáo tài chính: phân tích, dự báo và định giá	TS. Phạm Thị Thủy, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	Đại học kinh tế quốc dân	2012
43	Kế toán thuế	Giáo trình Kế toán thuế Trường Đại học Lao động – Xã hội	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2008
		Sách Bài tập Kế toán thuế	Đại học Lao động – Xã hội	Tài chính	2008
		Các Luật, Nghị định, và Thông tư về Quản lý thuế, các loại thuế XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN	Bộ Tài chính		
44	Kế toán quốc tế	Kế toán quốc tế	TS Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2010
		Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế			
		Bài tập Kế Toán Quốc Tế	PGS – TS Nguyễn Thị Đông	Đại học KTQD	
45	Kế toán máy	Bài giảng và bài tập của giáo viên	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kế toán	2017
		Bộ cài phần mềm	Công ty MISA		
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm của	Công ty MISA		2017

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		công ty MISA			
46	Hệ thống thông tin kế toán	Hệ thống thông tin kế toán	Thiếu Thị Tâm	Thống Kê	2007
		Hệ thống thông tin kế toán (Bài tập)	Thiếu Thị Tâm	Thống Kê	2007
		Accounting information Systems.	Ulric J. Gelinas, Jr, Steve G. Sutton		
		Accounting information Systems,	Marshall B.Romney		
		Accounting Information Systems, sixth edition.	James A.Hall,		
47	Lý thuyết tổ chức	Tài liệu dịch Organization Theory and Design, Tenth Edition	Richard L. Daft		
		Organization Theory and Design, Tenth Edition	Richard L. Daft		
		Lý thuyết tổ chức (xuất bản lần 2)	PGS.TS. Nguyễn Hữu Tri	Chính trị Quốc gia	2013
48	Thống kê doanh nghiệp	Thống kê doanh nghiệp		Lao động xã hội	2009
		Bài tập thống kê doanh nghiệp		Lao động xã hội	2015
49	Nguyên lý tiền lương	Giáo trình Tiền lương Tiền công	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	PGS.TS Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ Bài tập Bài tập Tiền lương Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
50	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán – English for Accounting		Lao động xã hội	
		Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán –Workbook for		Lao động xã hội	

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Accounting			
51	Kiểm soát nội bộ	Giáo trình Kiểm soát nội bộ	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Phương Đông	2012
52	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS. TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
53	Nhập môn quản trị nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Ths. Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Ths. Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
54	Kế toán công ty cổ phần	Giáo trình Kế toán công ty	Nguyễn Văn Công	Thống kê	2007
		Giáo trình Kế toán công ty	PGS.TS. Nguyễn Thị Đông	Đại học Kinh tế quốc dân	2006
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
		Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13	Quốc hội		2014
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Bài giảng			
		Giáo trình kế toán doanh nghiệp	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 "Hợp đồng xây dựng"	Bộ tài chính	Tài chính	2006
		Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành	Bộ tài chính	Tài chính	2015
		Giáo trình kế toán xây	Học viện Tài	Tài chính	

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		lắp	Chính		
		Quản trị xây dựng	Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân	2011
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Giáo trình kế toán tài chính	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập kế toán tài chính	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài Chính	Tài chính	2015
		Thông tư 108/2001/TT-BTC ngày 31/12/2001 hướng dẫn kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu ủy thác	Bộ Tài Chính	Tài chính	2002
57	Kế toán ngân sách	Đề cương bài giảng, bài tập Kế toán ngân sách do giáo viên cung cấp		Khoa kế toán	
		Giáo trình Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước	PGS.TS. Phạm Văn Liên, PGS.TS. Phạm Văn Đăng	Nhà xuất bản Tài chính	2008
		Chế độ kế toán NSNN và nghiệp vụ kho bạc hiện hành	Bộ Tài chính	Tài chính	
		Các văn bản pháp luật về Ngân sách nhà nước có liên quan			
58	Thị trường chứng khoán	Giáo trình tài chính tiền tệ	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Tài chính	2007
		Giáo trình thị trường chứng khoán	Học viện Tài chính	Tài chính	2008
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Thị trường chứng khoán	Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
				quốc dân	
59	Kế toán tập đoàn	Bài giảng và bài tập của giáo viên	Bộ môn kế toán doanh nghiệp	Trường Đại học lao Động – Xã Hội	2016
		Chuẩn mực kế toán việt Nam VAS 03 và VAS 25	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
		Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 3 và IAS 25			
60	Tín dụng và thanh toán	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ Trường Đại học Lao động xã hội	Nguyễn Văn Định	Nhà xuất bản Lao động.	2007
		Tiền và hoạt động ngân hàng	Lê Vinh Danh	Tài chính	2009
		Giáo trình Tài chính - tiền tệ	Sử Đình Thành	Nhà xuất bản Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Tiền tệ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	Nhà xuất bản Thống kê.	2006
		Giáo trình Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh,	Lê Thị Tuyết Hoa	Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh.	2017
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	<i>Giáo trình Kiểm soát nội bộ</i>	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Phương Đông	2012
64	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán	Khoa kế toán – Kiểm toán, Đại	Thống kê	2014

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh		
		Giáo trình Kiểm toán	Phan Trung Kiên	Nhà xuất bản Tài chính	2008

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình Kế toán trình độ đại học

Chương trình Kế toán trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

3.2. Giờ quy đổi

Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;
- = 30 tiết thực hành, thảo luận;
- = 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của SV.

3.3. Mã các học phần

Mã các học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 ký tự ($X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7X_8X_9$). Trong đó:

- $X_1X_2X_3X_4$: Ký hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) ký tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường

- X_5X_6 : Ký hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07

Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chỉnh hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12
Bộ môn Thống kê	13
Bộ môn GDTC-QP	14

- X₇: Trình độ đào tạo:

- 1: Trình độ cao học
- 2: Trình độ đại học
- 3: Trình độ cao đẳng
- 4: Trình độ cao học và đại học
- 5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X₈: Số tín chỉ, cụ thể như sau: 1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X₉: Loại học phần

- L-Lý thuyết
- T-Thực hành
- H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)
- K-Khoá luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

3.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2(12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

3.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng